

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-9-2020.

V/v : Tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước.

2. Bà Võ Ngọc Các.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hên Thị Hồng Xinh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quốc V**, sinh năm 19xx (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường Q, khóm M, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 19xx (có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường D, khóm X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ hiện tại: Số C, đường T, khóm Y, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2020 và tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18/7/2020, nguyên đơn ông **Nguyễn Quốc V** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Quốc V** và bà **Phạm Thị T** là vợ chồng,

có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/11/2019. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, ông bà thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống do trước kết hôn vợ chồng không có thời gian tìm hiểu nhiều nên không hiểu hết tính cách của nhau dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ những mâu thuẫn đó ông bà đã sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nay ông V thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông Nguyễn Quốc V và bà Phạm Thị T không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Quốc V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại đơn yêu cầu xem xét đề ngày 14/8/2020 và tại phiên Tòa, bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà T và ông V quen biết nhau và làm chung khối Đảng, cách đây 30 năm giữa bà T và ông V chỉ là bạn bè, khi vợ ông V chết thì bà T và ông V gặp lại nhau không cần tìm hiểu vì đã biết nhau rồi. Cuối cùng ra mắt gia đình hai bên và đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/11/2019. Do con của ông V có hành vi nhục mạ bà T. Từ đó nên ông V mới gởi đơn khởi kiện ly hôn với bà T chứ giữa bà T và ông V không có xảy ra chuyện gì. Bà T còn yêu thương ông V nên không muốn ly hôn.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Quốc V có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc V và bà Phạm Thị T xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp

luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do vợ chồng không còn sự đồng cảm, từ đó tình cảm vợ chồng không còn nên ông V và bà T đã sống ly thân từ năm tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Bà T cho rằng chính thức ly thân từ khi ông V gửi đơn khởi kiện chứ không phải từ tháng 02/2020 như ông V trình bày, do con gái ông V đã có những lời lẽ xúc phạm, nhục mạ bà T nên giữa bà T với con gái ông V đã mâu thuẫn trầm trọng, bà T sẽ ly hôn với ông V vì con gái ông V cứ ngăn cản hoài thì không thể sống chung được nhưng không phải lúc này, từ khi ông V gửi đơn ly hôn đến nay bà T liên lạc với ông V nhiều lần nhưng không được. Trường hợp Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết cho ly hôn thì bà T cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V cho ông V được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Quốc V và bà Phạm Thị T không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Quốc V và bà Phạm Thị T trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Quốc V thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Quốc V với bà Phạm Thị T.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Quốc V và bà Phạm Thị T không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Quốc V và bà Phạm Thị Trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Quốc V không phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- UBND phường Y, TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thanh Loan